

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/DS-ST

Ngày 23 tháng 6 năm 2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Ông Lương Ngọc Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự do Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng cũ (nay là thành phố B) thụ lý số: 133/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST - DS ngày 22/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST - DS ngày 16/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST - DS ngày 05/6/2025 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn Q, xã Đ (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Bắc Giang

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y (nay là phường T, thành phố B), tỉnh Bắc Giang

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày: Ông có cửa hàng bán nguyên vật liệu xây dựng. Từ tháng 4/2019 đến tháng 10/2021, ông Nguyễn Văn H có đặt vấn đề mua nguyên vật liệu vào nhiều đợt khác nhau, ông đã đồng ý. Sau đó, hai bên thống nhất giao dịch mua bán nguyên vật liệu với nhau. Tổng khối lượng nguyên vật liệu xây dựng đã bán cho ông H, ông không nhớ rõ. Mỗi lần bán nguyên vật liệu cho ông H thì ông H có thanh toán một phần và nợ lại một phần tiền hàng được ông ghi lại vào sổ và có chữ ký xác nhận của ông H. Đến 07/10/2021, các bên dừng giao dịch mua bán nguyên vật liệu với nhau nhưng trước đó ngày 05/10/2021 các bên chốt lại sổ tiền nợ nguyên vật liệu, theo sổ sách ông H có ký xác nhận còn nợ 16.577.000 đồng. Tuy nhiên từ đó đến nay ông H không mua nguyên vật liệu và không trả được cho ông số tiền nợ nguyên vật liệu trên. Nay ông yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền còn nợ là 16.577.000 đồng và tiền lãi trên số tiền còn nợ, với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày ông gửi đơn khởi kiện là ngày 23/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

+ Tòa án đã niêm yết toàn bộ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các giấy tờ khác của Tòa án tại nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì ông H vắng mặt không có lý do.

+ Ngày 16/5/2025, Tòa án đã hoãn phiên tòa vì bị đơn là ông Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 431, khoản 1 Điều 433, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Trần Đức T số tiền 16.577.000 đồng và lãi suất 10%/ năm từ ngày khởi kiện 23/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.238.301 đồng. Tổng số tiền phải trả là 17.815.301 đồng. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Đức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Đức T và ông Nguyễn Văn H là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng Tòa án; bị đơn có địa chỉ tại thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là tiền mua bán nguyên vật liệu nên được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá” tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền mua nguyên vật liệu còn nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đưa ra là sổ mua bán nguyên vật liệu. Việc các bên có giao dịch mua bán nguyên vật liệu với nhau là đúng sự thật. Sau khi kết thúc việc mua bán các bên đều xác nhận có việc thanh toán và chốt nợ với nhau, cụ thể ông H còn nợ ông T số tiền 16.577.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện đòi tiền nguyên vật liệu của ông T đối với ông H là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Như đã nhận định ở trên số tiền mà ông H còn nợ ông T là 16.577.000 đồng. Do phía ông H từ khi chốt nợ đến nay chưa thanh toán số tiền trên cho ông T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán

đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, yêu cầu tính lãi của ông T tính từ ngày khởi kiện 23/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền 16.577.000 đồng mà ông H chưa thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp mức lãi suất này là: 16.577.000 đồng x 0.83%/tháng x 09 tháng = 1.238.301 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu của ông T được chấp nhận, do vậy ông H phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 430, Điều 431, khoản 1 Điều 433, Điều 440 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đức T số tiền 16.577.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) và tiền lãi 1.238.301 đồng (*Một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm linh một đồng*). Tổng số tiền là 17.815.301 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm mười lăm nghìn ba trăm linh một đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 890.765 đồng (*T1 trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Trần Đức T số tiền 829.925 đồng (*Tám trăm hai mươi chín nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005464 ngày 10/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (nay là thành phố B).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Hà